

Biểu mẫu 05

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân

THÔNG BÁO**Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2019-2020**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Các em sinh năm 2013 trong địa bàn phường 5 và diện tạm trú phường 1: khu phố 4, 5 quận Gò Vấp.				
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Theo chương trình khung của BGD-ĐT				
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Trong quá trình giảng dạy sẽ tích hợp bài dạy. Qua các tiết học không những các em được các nội dung phù hợp với thực tiễn hiện nay vào trong học về kiến thức mà còn được học về thái độ để đáp ứng với Nhà trường-Gia đình-Xã hội.				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Nhà trường luôn đảm bảo các phương tiện dạy học phù hợp với từng cấp lớp cũng như từng đối tượng học sinh.				
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Nhà trường luôn đào tạo học sinh hằng năm >99% HTCT lớp học và 100% HS HTCTTH				
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	HS có khả năng tiếp thu kiến thức cũng như tham gia các hoạt động tốt.				

Gò Vấp, ngày 04 tháng 9 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Minh Hòa

Biểu mẫu 06

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế
Năm học 2018-2019

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	2212	540	435	354	424	459
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1116	312	300	214	286	318
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	2212	540	435	354	424	459
1	<i>Tốt</i> <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	2023	473	345	346	415	444
		91,46	87,59	79,31	97,74	97,87	96,73
2	<i>Đạt</i> <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	189	67	90	8	9	15
		8,54	12,41	20,69	2,26	2,13	3,27
3	<i>Cần cố gắng</i> <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>						
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	2212	540	435	354	424	459
1	<i>Hoàn thành tốt</i> <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	1537	431	227	218	259	402
		69,48	79,81	52,18	61,58	61,08	87,58
2	<i>Hoàn thành</i> <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	661	97	208	134	163	57
		29,88	17,96	47,82	37,85	38,92	12,42
3	<i>Chưa hoàn thành</i> <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	14	12		2		
		0,64	2,23		0,57		

V	Tổng hợp kết quả cuối năm	2212	540	435	354	424	459
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	2198 99,36	528 97,77	435 100	352 99,43	424 100	459 100
a	<i>Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)</i>	1530 69,16	400 74,07	242 55,63	242 68,36	258 60,84	388 84,53
b	<i>HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)</i>	8 0,36			1 0,28	2 0,47	5 1,08
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	14 0,64	12 2,23		2 0,57		

Gò Vấp, ngày 04 tháng 9 năm 2019
HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Minh Hòa

Biểu mẫu 07**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP****Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân****THÔNG BÁO****Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2019-2020**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	37	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	37	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ, mượn		
III	Số điểm trường lẻ		
IV	Tổng diện tích đất (m²)	6.620.00	3,1 m ² /HS
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1.100.00	0,55 m ² /HS
VI	Tổng diện tích các phòng	1.474.20	0,73 m ² /HS
1	Diện tích phòng học (m ²)	1.368.8.	0,7 m ² /HS
2	Diện tích thư viện (m ²)	48	/
3	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m²)</i>	/	/
4	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m²)</i>	/	/
5	<i>Diện tích phòng ngoại ngữ (m²)</i>	/	/
6	<i>Diện tích phòng học tin học (m²)</i>	112	2,24
7	<i>Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m²)</i>	48	/
8	<i>Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m²)</i>	/	/

9	<i>Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m²)</i>	12	/
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	9 lớp	9 bộ
1.2	Khối lớp 2	11 lớp	11 bộ
1.3	Khối lớp 3	9 lớp	9 bộ
1.4	Khối lớp 4	8 lớp	8 bộ
1.5	Khối lớp 5	9 lớp	9 bộ
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	/	/
2.2	Khối lớp 2	/	/
2.3	Khối lớp 3	/	/
2.4	Khối lớp 4	/	/
2.5	Khối lớp 5	/	/
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	100	1HS/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	50	1
2	Cát xét	7	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	7	
5	Laptop	2	
6	Đàn Organ	3	

7	Kèn Melodion	3	/
8	Màn hình LCD phục vụ dạy học	37 cái	/

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	112
XI	Nhà ăn	/

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	Nghỉ tại lớp	50	0,96 m ² /HS
XIII	Khu nội trú	/	/	/

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3	/	3/3	/	0,11 m ² /HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	/	/	/	/	/

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	

XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	http://thnguyenvietxuangovap.hcm.edu.vn/	
XIX	Tường rào xây	x	

Gò Vấp, ngày 04 tháng 9 năm 2019
HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Minh Hòa

Biểu mẫu 08

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học, năm học 2019-2020

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			T	S	Đ	H	C	D	T	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	98		1	63	7	5	22	12	12	45	17	44	1	
I	Giáo viên	66			60	6			9	15	43	17	44	1	
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:														
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	9			9				6		3	3	2		
3	Tin học	2				2				2			2		
4	Âm nhạc	2				2			1	1			1		
5	Mỹ thuật	1			1						1		1		
6	Thể dục	3			3				1		2		3		
7	Kĩ thuật	1			1						1		1		

II	Cán bộ quản lý	3		1	2					3				
1	Hiệu trưởng	1			1					1				
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1					2				
III	Nhân viên	29			1	1	5	22						
1	Nhân viên văn thư	1					1							
2	Nhân viên kế toán	1			1									
3	Thủ quỹ	1					1							
4	Nhân viên y tế	1					1		1					
5	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1				1			1					
6	Nhân viên công nghệ thông tin	/												
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	/												
8	Nhân viên khác	24					2	22						

Gò Vấp, ngày 04 tháng 9 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Minh Hòa